

Số: /QĐ-TTYQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN Y TẾ QUỐC GIA**

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2233/QĐ-BYT ngày 19/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia trực thuộc Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ” tại Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các ông, bà: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc TT;
- Lưu: VT, TC-HC.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Trường Duy**

BỘ Y TẾ  
TRUNG TÂM THÔNG TIN  
Y TẾ QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ**  
**QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYQG ngày tháng năm 2024  
của Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)

**CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ (sau đây gọi là Quy chế) được ban hành nhằm quy định các vấn đề liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ (gọi tắt là SHTT) và quản trị tài sản trí tuệ của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia (sau đây gọi là Trung tâm) trong hoạt động nội bộ và trong mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm việc bảo vệ quyền SHTT, việc quản lý và khai thác tài sản trí tuệ của Trung tâm một cách hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho tất cả tài sản trí tuệ của Trung tâm hoặc được tạo ra tại Trung tâm; và áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân sau:

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm;
- Viên chức, người lao động thuộc Trung tâm;
- Cá nhân học việc, ký hợp đồng cộng tác viên; tổ chức ký các thỏa thuận hợp tác, hợp đồng với Trung tâm.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tài sản trí tuệ” là đối tượng quyền SHTT bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về SHTT (sau đây gọi tắt là TSTT).

2. “Tài sản trí tuệ của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia” là TSTT thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia.

3. “*Quyền sở hữu trí tuệ*” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với TSTT, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

4. “*Quyền tác giả*” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong phạm vi Quy chế này, tác phẩm bao gồm: tác phẩm văn học, khoa học, giáo trình; tác phẩm báo chí; tác phẩm mỹ thuật ứng dụng; bản vẽ, sơ đồ liên quan đến công trình khoa học; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; và các loại hình khác được quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ.

5. “*Quyền nhân thân*” là các quyền bao gồm:

- Đặt tên cho tác phẩm;
- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

6. “*Quyền tài sản*” là các quyền bao gồm:

- Làm tác phẩm phái sinh;
- Biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;
- Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào;
- Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình;
- Phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn;
- Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.

7. “*Quyền sở hữu công nghiệp*” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

8. “*Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ*” là các đối tượng được quy định theo pháp luật về SHTT bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp.

Các đối tượng quyền SHTT được định nghĩa tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật SHTT đều có thể phát sinh và trở thành quyền tài sản, quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng của Trung tâm khi được quy định chính thức thông qua quyết định hoặc văn bản của Trung tâm theo quy định tại Quy chế này hoặc giữa Trung tâm với các bên có liên quan.

9. “*Chương trình máy tính*” là tập hợp các chỉ dẫn dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể. Mã nguồn phần mềm máy tính, tập hợp các lệnh cấu hình hệ thống máy tính và/hoặc mã máy là chương trình máy tính.

10. “*Sưu tập dữ liệu*” là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử và các dạng khác. Danh mục dữ liệu phần mềm máy tính, cấu trúc dữ liệu phần mềm máy tính là sưu tập dữ liệu.

11. “*Bí mật kinh doanh*” là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, tài chính, kế toán, quản trị, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đối với các quy trình nghiệp vụ mang tính đặc thù, cơ cấu quản trị, tỷ lệ sở hữu, thông tin tài chính, đầu tư, kinh doanh, thông tin về lao động của Trung tâm, danh sách khách hàng, danh sách các TSTT thuộc sở hữu của Trung tâm; định hướng, kế hoạch kinh doanh, marketing, sơ đồ và mô tả hệ thống sản phẩm - dịch vụ - khách hàng, thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình hoạt động quản trị, kinh doanh của Trung tâm và của phần mềm máy tính...

Các thông tin bí mật sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa bí mật kinh doanh: bí mật về nhân thân; bí mật về quản lý nhà nước; bí mật về quốc phòng, an ninh; thông tin bí mật khác không liên quan đến kinh doanh.

12. “*Sáng chế*” là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

13. “*Nhãn hiệu*” là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Biểu tượng, dấu hiệu, hình ảnh, tên thương mại, tên cơ quan, đơn vị, tên sản phẩm của chương trình máy tính và/hoặc tên của dịch vụ được Trung tâm cung cấp dựa trên hoạt động của chương trình máy tính có thể được xem là nhãn hiệu khi được đăng ký nhãn hiệu và/hoặc đã được cấp văn bằng bảo hộ tại Cục SHTT theo quy định của pháp luật SHTT Việt Nam.

14. “*Tên thương mại*” là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

15. “*Chuyển giao TSTT*” là hoạt động chuyển nhượng quyền SHTT hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với một TSTT cụ thể.

16. “*Tác giả*” là người bất kỳ là đối tượng điều chỉnh của Quy chế này, là người tạo ra, nghĩ ra, thực hành, là tác giả, hoặc bằng cách khác đóng góp trí tuệ đáng kể vào việc tạo ra TSTT và đáp ứng định nghĩa “tác giả sáng chế”, “tác giả” theo quy định của luật SHTT.

17. “*Đồng tác giả*” là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ TSTT.

18. “*Người hỗ trợ*” là trợ lý, kỹ thuật viên, người góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu (không phải thông tin bí mật) và các cá nhân bất kỳ khác đã gián tiếp đóng góp vào việc tạo ra TSTT của tác giả - và như vậy không được coi là tác giả hoặc tác giả sáng chế theo pháp luật SHTT- chủ yếu thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hoặc thực hiện theo các hướng dẫn cụ thể, nhưng nếu không có sự đóng góp thực tế của họ thì việc thương mại hóa có thể không thực hiện được.

## **CHƯƠNG II. QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

### **Điều 4. Các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Trung tâm**

Trung tâm là chủ sở hữu đối với các TSTT sau đây:

1. TSTT được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển nhượng cho Trung tâm đứng tên chủ sở hữu; hoặc được các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp chuyển giao, chuyển nhượng hoặc tặng cho Trung tâm;

2. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm theo nhiệm vụ được giao căn cứ trên quyết định/xác nhận giao nhiệm vụ, hợp đồng lao động, hợp đồng cộng tác viên trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

3. Được tạo ra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Trung tâm quản lý, ngân sách của Trung tâm hoặc từ các nguồn kinh phí hợp pháp do Trung tâm quản lý;

4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trung tâm đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trung tâm, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác;

5. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng hợp tác được ký kết giữa Trung tâm với các đối tác, mà trong các hợp đồng này có quy định các TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trung tâm.

### **Điều 5. Các tài sản trí tuệ thuộc đồng sở hữu của Trung tâm**

1. Trung tâm là đồng sở hữu đối với các TSTT sau đây:

a) Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm không theo hợp đồng lao động, hợp đồng cộng tác viên hoặc các thỏa thuận khác đã ký.

b) Được tạo ra trong quá trình triển khai các thỏa thuận, hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn đối với hợp đồng kinh tế, hợp đồng dịch vụ, phân phối, đại lý, hợp tác được ký kết giữa Trung tâm với các đối tác, các tổ chức, hoặc các cá nhân, mà trong các thỏa thuận, hợp đồng này có quy định các TSTT phát sinh thuộc đồng quyền sở hữu của Trung tâm.

2. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, thì Trung tâm và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 6. Đối tượng quyền tác giả**

1. Đối tượng quyền tác giả là các tác phẩm thường xuyên được tạo lập, phát sinh trong các hoạt động quản trị, kinh doanh và các hoạt động khác của Trung tâm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đối với: các tài liệu, văn bản, tác phẩm, chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu, tài liệu đào tạo, hướng dẫn sử dụng và các loại tác phẩm khác theo quy định của pháp luật SHTT.

2. Trong trường hợp TSTT được tạo ra là tác phẩm phái sinh từ một tác phẩm của Trung tâm, hoặc là đối tượng quyền liên quan phát sinh từ một tác phẩm của Trung tâm, và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc, các tác giả phải thông báo cho Trung tâm về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải được Trung tâm chấp thuận bằng văn bản trước khi công bố và xác lập quyền sở hữu đối với tác phẩm phái sinh và đối tượng quyền liên quan phát sinh đó.

3. Nội dung, hình thức thể hiện của quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ quyền tác giả thực hiện theo quy định của pháp luật về SHTT.

## **Điều 7. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp**

1. Các đối tượng liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp thường xuyên phát sinh trong hoạt động của Trung tâm bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đối với (các) sáng chế, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh và tên giao dịch.

2. Tên giao dịch của Trung tâm là: “Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia” và/hoặc “TTYQG” và/hoặc “National Health Information Center” và/hoặc “NHIC”. Trung tâm là chủ sở hữu của tất cả các tên giao dịch của Trung tâm. Việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trung tâm phải đảm bảo giữ gìn hình ảnh, uy tín của Trung tâm.

3. Các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm; viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm được quyền sử dụng tên gọi, tên giao dịch, nhãn hiệu của Trung tâm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong các trường hợp khác phải có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

4. Trung tâm là chủ sở hữu bí mật kinh doanh của Trung tâm. Các bí mật kinh doanh của Trung tâm được bảo hộ theo pháp luật SHTT, pháp luật cạnh tranh và thông qua các điều khoản bảo mật thông tin, thỏa thuận bảo mật thông tin, bảo mật bí quyết kỹ thuật, kinh doanh, cũng như các điều khoản quy định về các trách nhiệm, nghĩa vụ bảo mật các tài liệu, văn bản, đối tượng như được định nghĩa tại khoản 11, Điều 3 của Quy chế này được ký kết giữa Trung tâm với các chủ thể, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đối với các viên chức, người lao động, cộng tác viên, đại lý, đối tác, và/hoặc các tổ chức và/hoặc cá nhân có liên quan khi tiếp cận, tiết lộ các bí mật kinh doanh của Trung tâm.

Việc bảo vệ, quản trị các bí mật kinh doanh được thực hiện theo Điều 13 của Quy chế này và theo quy định của pháp luật SHTT.

5. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp; quyền đăng ký, quyền sở hữu; và điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về SHTT.

## **Điều 8. Logo của Trung tâm**

1. Logo của Trung tâm là biểu tượng bằng chữ và/hoặc hình ảnh đang sử dụng của Trung tâm nhằm mục đích làm biểu trưng cho Trung tâm và/hoặc các nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật về SHTT.

2. Logo có thể được bảo hộ dưới hình thức quyền tác giả và/hoặc nhãn hiệu theo pháp luật SHTT.

3. Trung tâm là chủ sở hữu quyền tác giả đối với logo của Trung tâm.

4. Trung tâm là chủ sở hữu nhãn hiệu của Trung tâm.

5. Mọi cá nhân, tổ chức ngoài Trung tâm không được sử dụng logo của Trung tâm với bất cứ hình thức, lý do nào khi chưa được Trung tâm chấp thuận bằng văn bản.

### **CHƯƠNG III. TÁC GIẢ VÀ ĐỒNG TÁC GIẢ CỦA CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 9. Các quy định về tác giả và đồng tác giả**

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT, nếu cá nhân đó có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hay một cách dễ dàng, đối với thành viên tham gia vào chương trình, dự án, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra. Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả. Các tác giả hoặc đồng tác giả phải ký các văn bản do Trung tâm cung cấp để xác nhận quyền đứng tên tác giả.

2. Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả thì danh sách tên các đồng tác giả và tỷ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận, nhưng không được trái quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của pháp luật về SHTT, dân sự và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Quy chế này hoặc trong hợp đồng tương ứng có quy định hợp pháp khác.

4. Khi quyền đứng tên tác giả được xác lập, các tác giả hoặc đồng tác giả có nghĩa vụ thực hiện chuyển giao cho Trung tâm bất kỳ quyền, văn bằng hoặc lợi ích nào mà họ có thể có đối với TSTT bao gồm nhưng không giới hạn quyền nhân thân và toàn bộ quyền tài sản đối với các TSTT mà Trung tâm là chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Quy chế này trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Trung tâm và các tác giả hoặc đồng tác giả. Trong trường hợp này, các tác giả hoặc đồng tác giả không còn các quyền nêu trên đối với các TSTT mà Trung tâm là chủ sở hữu.

5. Chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả, đồng tác giả theo pháp luật SHTT hiện hành, trừ trường hợp thỏa thuận giữa các bên có quy định khác.

### **CHƯƠNG IV. QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 10. Nội dung quản trị tài sản trí tuệ**

1. Quản trị TSTT bao gồm các nội dung liên quan đến việc quản lý, bảo mật, khai thác các TSTT và xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT của Trung tâm.

2. Phòng Tổ chức – Hành chính chịu trách nhiệm quản trị TSTT, cụ thể như sau:

a) Tham mưu Giám đốc Trung tâm ban hành các quyết định quản trị TSTT của Trung tâm, phù hợp với các quy định của Quy chế này;

b) Tổng hợp, báo cáo Giám đốc Trung tâm công bố theo thẩm quyền về các TSTT mới phát sinh của Trung tâm;

c) Thực hiện các thủ tục đăng ký/gia hạn bảo hộ quyền SHTT, xác lập quyền sở hữu toàn dân (nếu có) đối với các TSTT của Trung tâm theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý các TSTT của Trung tâm; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về TSTT của Trung tâm;

đ) Tham mưu Giám đốc Trung tâm chiến lược khai thác quyền SHTT, cung cấp các dịch vụ SHTT và chuyển giao công nghệ đối với các TSTT của Trung tâm; Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính xây dựng kế hoạch quản lý nguồn thu và chi phí từ khai thác quyền SHTT, cung cấp các dịch vụ SHTT của Trung tâm;

e) Thực hiện giám sát và tham mưu Giám đốc Trung tâm áp dụng các biện pháp, phòng, chống, giải quyết, xử lý, khiếu nại, tố cáo đối với việc xâm phạm trái phép quyền SHTT của Trung tâm và của các chủ thể khác có liên quan đến TSTT trong các hoạt động của Trung tâm.

### **Điều 11. Phối hợp quản trị tài sản trí tuệ**

1. Các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm có trách nhiệm:

a) Phổ biến, quán triệt thực hiện các quy định trong Quy chế này đến tất cả viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Ghi nhận, kịp thời thông báo và phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện đăng ký bảo hộ, xác lập quyền sở hữu toàn dân (nếu có), khai thác quyền SHTT đối với các TSTT mới phát sinh của Trung tâm theo quy định tại Quy chế này;

c) Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính trong công tác ghi nhận, theo dõi giá trị đối với TSTT của Trung tâm.

d) Bảo vệ các TSTT của Trung tâm theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm ghi nhận, theo dõi giá trị đối với TSTT của Trung tâm; tham mưu, xây dựng kế hoạch quản lý nguồn thu và chi phí từ khai thác quyền SHTT, cung cấp các dịch vụ SHTT của Trung tâm;

3. Viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm có trách nhiệm:

a) Báo cáo kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh cho Lãnh đạo Trung tâm hoặc Lãnh đạo phòng, đơn vị theo quy định tại Quy chế này;

b) Phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính trong việc chuẩn bị và cung cấp các thông tin, giấy tờ, tài liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHTT và khai thác đối với các TSTT theo quy định tại Quy chế này;

c) Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình là tác giả hoặc đồng tác giả nhưng thuộc sở hữu của Trung tâm hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy chế này;

d) Bảo vệ các TSTT của Trung tâm theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

đ) Tuân thủ quy định pháp luật khi sử dụng quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác. Trong trường hợp xâm phạm đến quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác, viên chức, người lao động, cộng tác viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;

e) Thực thi các nội dung quản trị TSTT được quy định trong Quy chế này và tuân thủ các quyết định quản trị TSTT của Trung tâm. Trong trường hợp vi phạm, mỗi cá nhân nêu trên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật liên quan và bồi thường mọi thiệt hại có thể phát sinh.

## **Điều 12. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản trí tuệ được hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước**

1. TSTT được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ do ngân sách nhà nước cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 70/2018/NĐ-CP; các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trung tâm và quy định pháp luật có liên quan.

2. TSTT được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước hỗ trợ là tài sản đồng sở hữu; việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các bên còn lại và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác TSTT là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phải bảo đảm chặt chẽ, có hiệu quả; công khai, minh bạch.

4. Khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định được xử lý theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP; các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trung tâm và quy định pháp luật có liên quan. Đối với các TSTT mới phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm, phòng, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải kịp thời thông báo và phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT, xác lập quyền sở hữu toàn dân (nếu có); thông báo, phối hợp Phòng Kế hoạch – Tài chính trong công tác ghi nhận, theo dõi giá trị đối với TSTT của Trung tâm; và thông báo, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan để tổ chức quản lý, theo dõi TSTT theo quy định.

### **Điều 13. Các quy tắc bảo mật**

1. Khi có TSTT mới phát sinh được nhận diện thuộc quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của Trung tâm, các đối tượng, tài liệu được liệt kê tại khoản 11, Điều 3 của Quy chế này được xem là bí mật kinh doanh, và phải được các tổ chức và/hoặc cá nhân có liên quan tiến hành ghi nhận nhằm mục đích bảo mật, bằng cách đánh dấu lên hồ sơ tài liệu có liên quan.

a) Đối với tài liệu dưới dạng bản giấy, lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “MẬT”;

b) Đối với tài liệu dưới dạng tập tin điện tử, lưu trong các tập tin và thư mục có tên là “MẬT\_[tên tập tin/tên thư mục]”.

2. Cá nhân có liên quan phải báo cáo theo thẩm quyền tới Phòng Tổ chức - Hành chính đối với các TSTT mới phát sinh; Phòng Tổ chức - Hành chính sẽ xem xét, xác nhận và lưu trữ nếu đã xác nhận hồ sơ tài liệu đã được ghi nhận theo khoản 1, Điều này là TSTT của Trung tâm.

3. Cá nhân có liên quan không được tiết lộ với các cá nhân không liên quan, đối với hồ sơ tài liệu được ghi nhận theo khoản 1, Điều này và TSTT được xác nhận theo khoản 2, Điều này.

4. Đối với việc bảo mật các thông tin bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ bí mật Nhà nước và Nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước của Trung tâm.

### **Điều 14. Khai thác tài sản trí tuệ**

1. Trung tâm tiến hành khai thác TSTT dưới các hình thức sau đây:

- a) Công bố TSTT;
- b) Áp dụng, khai thác và quản trị TSTT trong các hoạt động của Trung tâm;
- c) Dùng quyền SHTT để góp vốn liên doanh, liên kết;
- d) Cấp quyền sử dụng hoặc chuyển giao quyền sử dụng TSTT cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu;
- đ) Chuyển giao công nghệ theo pháp luật chuyển giao công nghệ;
- e) Chuyển nhượng quyền sở hữu, cho, tặng quyền tài sản của TSTT cho các đơn vị, cá nhân nhận chuyển nhượng, được cho, được tặng;
- g) Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

2. Mỗi cá nhân là viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm có các quyền và nghĩa vụ khai thác TSTT sau đây:

- a) Có quyền tiếp cận và sử dụng các TSTT của Trung tâm trong phạm vi cho phép khi thực hiện các công việc được Trung tâm giao;
- b) Có quyền được hưởng các lợi ích từ việc khai thác TSTT của Trung tâm mà cá nhân đó là tác giả hoặc đồng tác giả theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này; sau khi chính thức nghỉ việc tại Trung tâm, cá nhân không còn được hưởng thù lao từ các TSTT mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả nhưng thuộc sở hữu của Trung tâm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác;
- c) Trong thời gian hợp tác, làm việc và kể cả sau khi chính thức nghỉ việc tại Trung tâm, không được chuyển giao các TSTT mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả nhưng thuộc sở hữu của Trung tâm cho tổ chức, cá nhân thứ ba trừ trường hợp có sự thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;
- d) Mọi khai thác, sử dụng hoặc có ý định chuyển giao, chuyển nhượng, góp vốn, hoặc cấp quyền sử dụng TSTT của Trung tâm phải được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm trước khi tiến hành.

3. Tổ chức, cá nhân khi được cấp quyền sử dụng, khai thác TSTT theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự cho phép của Giám đốc Trung tâm, phải trả tiền bản quyền và các quyền lợi khác (nếu có) cho Trung tâm.

### **Điều 15. Xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ**

Cá nhân là viên chức, người lao động, cộng tác viên của Trung tâm khi có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ, Luật viên chức, nội quy lao động hoặc thỏa ước lao động của Trung tâm hoặc/và theo các quy định của pháp luật hiện hành; và phải

chịu trách nhiệm, nghĩa vụ và bồi thường đối với mọi thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp có thể phát sinh. Ngoài những biện pháp yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật, Trung tâm sẽ được quyền thực hiện những biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm ngăn chặn việc sử dụng hoặc tiết lộ trái phép các bí mật kinh doanh. Trung tâm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại từ hành vi vi phạm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở cả thiệt hại trực tiếp và gián tiếp chi phí hợp lý để giảm thiểu hoặc ngăn chặn thiệt hại của việc tiết lộ hoặc sử dụng thông tin nói trên.

## **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế cho các quy định liên quan đến quản lý, khai thác TSTT do Trung tâm đã ban hành trước đây.
2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Trưởng/phụ trách các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm có trách nhiệm chỉ đạo, phổ biến viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình quản lý nghiêm túc thực hiện Quy chế này.
  2. Phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.
  3. Trong quá trình thực hiện khi gặp khó khăn vướng mắc hoặc có phát sinh những vấn đề mới, các phòng, đơn vị gửi văn bản về Phòng Tổ chức – Hành chính để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Lãnh đạo Trung tâm xem xét, giải quyết, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
-